TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Tứ Hải**

2. Ông **Huỳnh Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Bích T,** sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn A,** sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn A do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19 tháng 11 năm 2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp T, xã H. Đến tháng 8/2008 vợ chồng về sống tại ấp B, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh A đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên không lo cho vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh A không còn sống chung từ năm 2018 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn A.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Trần Thị Lan B, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2008 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn tuỳ theo nguyện vọng của con muốn theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn anh Trần Văn A:***

Anh Trần Văn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp b, xã h, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long hiện anh A có đi và về địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh A cố tình không hợp tác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 26 tháng 8 năm 2019 cháu Trần Thị Lan B, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2008 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 giấy chứng nhận kết hôn bản chính, 01 giấy khai sinh bản sao, 01 đơn xin xác nhận, 01 bảng khai ý kiến của cháu Lan B bản gốc, phiếu chuyển phát nhanh.

Bị đơn anh Trần Văn A không đến tham gia tố tụng tại tòa án nên anh A không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Trần Văn A cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh A biết chị T yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích T và anh Trần Văn A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã h, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19 tháng 11 năm 2007. Theo lời trình bày của chị T thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh A đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên không lo cho vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Tại phiên toà chị T yêu cầu nuôi cháu Trần Thị Lan B, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2008. Chị T không yêu cầu anh Trần Văn A phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Bích T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Bích T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Văn A.

[2] Con chung: Giao con chung tên Trần Thị Lan B, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2008 cho chị Trần Thị Bích T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Trần Văn A phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Trần Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Bích T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009998 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui